TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Bà Lê Thị Thu Huyền;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST- HNGĐ ngày 07/02/2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Đội 9, C, xã T, TP. V, tỉnh P; hiện ở: Đội 5, xóm N, xã T, TP. V, tỉnh P .

Bị đơn: Anh Tạ Phi H , sinh năm 1987; ĐKHKTT: Đội 9, C, xã T, TP. V, tỉnh P. Hiện anh H đang ở Đ.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày: Chị và anh Tạ Phi H đăng ký kết hôn ngày 15/3/2013 tại UBND xã T, thành phố V, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh H tại đội 9, C, xã T, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Đến khoảng cuối năm 2015 anh Tạ Phi H đi Đ. Thỉnh thoảng anh H có về thăm nhà và hiện nay anh H vẫn đang lao động ở Đ, chưa quay trở lại Việt Nam . Trong quá trình anh H về thăm nhà hai vợ chồng cũng không nói chuyện được với nhau . Vợ chồng đã ly thân khoảng cuối năm 2014, từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay chị đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại đội 5, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh P. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Phi H.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Hà P, sinh ngày 30/5/2014. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay cháu Phương đang ở cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Chị T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị T trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh H ở Đ nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh H cho Tòa án được. Chị T đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh H tại Đ thông qua bố mẹ đẻ của anh H là ông Tạ Phú X và bà Đinh Thị Kim L có địa chỉ tại: Đội 9, C, xã T, TP. V, tỉnh P.

Thân nhân của anh Tạ Phi H – Ông Tạ Phú X và bà Đinh Thị Kim L trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Tạ Phi H. Hiện nay, anh H đang làm việc tại Đ. Anh H thỉnh thoảng vẫn gọi điện về cho ông bà. Anh H chỉ nói với ông bà hiện đang ở Đ nhưng không nói rõ cụ thể ở đâu nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của anh H ở Đ cho Tòa án. Việc chị T xin ly hôn anh H, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng : Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xử cho chị Tạ Thị T được ly hôn anh Tạ Phi H. Về con chung: Giao cháu Tạ Hà P, sinh ngày 30/5/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên. Anh Tạ Phi H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị T do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Do chị T xác định kh ông có nên không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án , được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Tạ Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Phi H là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị T trình bày hiện anh H đang sống và làm việc tại Đ. Tại văn bản số 2031/QLXNC-P5 ngày 21/02/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 23) xác nhận "Tạ Phi H, sinh ngày 13/7/1987; khai địa chỉ ở Đội 9, T, thành phố V, tỉnh P đã xuất nhập cảnh 17 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 31/12/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước" . Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

[2].Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Tạ Thị T và anh Tạ Phi H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn ngày 15/3/2013 tại UBND xã T, thành phố V, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau , bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tạ Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Phi H.

Anh Tạ Phi H hiện đang ở nước ngoài, chị Tạ Thị T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị Tạ Thị T, Tòa án nhân dân tỉnh P đã xác minh địa chỉ của anh H ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh H là ông Tạ Phú X và bà Đinh Thị Kim L. Ông X, bà L xác nhận anh H hiện đang ở Đ, anh H thỉnh thoảng có gọi điện cho ông bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên ông bà không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đ cho Tòa án. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân , tình trạng hôn nhân giữa chị Tạ Thị T và anh Tạ Phi H ngày 29/5/2020 (BL 34) thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh H có mâu thuẫn . Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau , sống xa nhau thời gian dài nên không còn tình cảm .

Khoảng tháng 11 năm 2019 chị T đã cùng con gái là cháu Tạ Hà P về sống cùng bố mẹ đẻ chị tại đội 5, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh P. Nay chị T xin ly hôn với anh H, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa chị Tạ Thị T và anh Tạ Phi H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên việc chị Tạ Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Phi H là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị T được chấp nhận.

[3].*Về con chung*: Chị T xác định vợ chồng có một con chung là cháu Tạ Hà P, sinh ngày 30/5/2014. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phương đến khi thành niên và không đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy anh Tạ Phi H hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Phương; nên để đảm bảo cho con chung có điều kiện phát triển tốt, cần giao cháu Tạ Hà P cho chị Tạ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phương thành niên là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tạ Thị T không yêu cầu anh Tạ Phi H có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, sông sức đóng góp*: Chị T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37,Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Tạ Phi H.

[2].*Về con chung*: Giao cháu Tạ Hà P, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Tạ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phương thành niên. Anh Tạ Phi H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị T do chị T

không yêu cầu. Anh Tạ Phi H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3].*Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị Tạ Thị T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4].*Về án phí*: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0004073 ngày 07/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đ- ơng sự đ- ợc quyền làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ợc tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã T;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Huyền